

Bản án số: 26/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 24/7/2024

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hạ Tuấn** và ông **Đặng Viết Côi**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị M** – sinh năm: 1966

- Bị đơn: Ông **Đỗ Giang N** – sinh năm: 1960

Đều HKTT: Thôn Đ, xã P, huyện Ú, TP .

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị M trình bày: Bà và ông Đỗ Giang N là người cùng địa phương, kết hôn từ năm 1992, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng do công việc bận rộn nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà cứ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992. Quá trình chung sống: sau khi tổ chức đám cưới ông bà chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không có cùng quan điểm sống. Cuộc

sống chung không hoà thuận, hạnh phúc từ năm 1994 đến năm 2001 thì vợ chồng hoà thuận hơn. Đến năm 2004, ông bà sinh con thứ 2, cuộc sống tạm thời ổn định đến năm 2015 tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2017, ông bà sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà cũng nhiều lần nói chuyện nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và do ông bà không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Toà án tuyên bố bà và ông Đỗ Giang N không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung là anh Đỗ Minh T – sinh năm: 1993 và Đỗ Tiến D – Sinh năm: 2004. Hiện tại, cả hai con đều trưởng thành, khoẻ mạnh nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: bà M đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bị đơn ông Đỗ Giang N trình bày: Ông và bà M kết hôn năm 1992, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tuy nhiên do bận rộn công việc và nhãng đi nên hai ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc không có vấn đề gì cho đến năm 2015, ông bị ung thư đại tràng. Sau thời gian chữa trị, đến năm 2016 khỏi bệnh thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là không hiểu nhau, không có cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, ông bệnh tật bà cũng không hỏi han, quan tâm gì, mỗi người một cuộc sống. Đến tháng 7/2023, bà M chuyển ra ngoài sinh sống. Cuộc sống hôn nhân của ông bà trong hơn 08 năm qua đi vào ngõ cụt khiến ông rất mệt mỏi và áp lực. Nay bà M có đơn yêu cầu đề nghị Toà án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng. Quan điểm của ông hoàn toàn nhất trí việc tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng do ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã P xác định: Ông Đỗ Giang N và bà Hoàng Thị M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tuy nhiên hai ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến năm 2023. Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 người con chung là cháu Đỗ Minh T -sinh năm:

1993 và Đỗ Tiến D – Sinh năm: 2004. Hiện tại cháu T và cháu D đều trưởng thành, khoẻ mạnh. Trong thời gian chung sống tại địa phương, không có thông tin tranh chấp dân sự đối với ông N và bà M.

Tại phiên toà, bà M và ông N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu tuyên bố bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N không phải là vợ chồng. Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Đỗ Minh T – sinh năm: 1993 và Đỗ Tiến D – sinh năm: 2004 đều đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản, công sức, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà M phải chịu án theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị M đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và đã đóng dự phí dân sự theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc không công nhận vợ chồng, ông Đỗ Giang N có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện Ú, TP .. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không được hoà thuận, hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên bà M có đơn yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân

giữa bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà M và ông N có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N có 02 con chung là cháu Đỗ Minh T – sinh năm: 1993 và cháu Đỗ Tiến D – sinh năm: 2004. Hiện tại, hai cháu đều trưởng thành, khoẻ mạnh nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: ông N bà M đều không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà M phải nộp toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; 271; 273 của bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về việc không công nhận vợ chồng đối với ông Đỗ Giang N.

1. Về hôn nhân: không công nhận bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị M và ông Đỗ Giang N có 02 con chung là cháu Đỗ Minh T, sinh năm: 1993 và Đỗ Tiến D, sinh năm: 2004. Hiện tại,

các cháu đều đã trưởng thành, khoẻ mạnh không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, xét giải quyết

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: bà M và ông N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này, các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà M đã nộp tại Biên lai thu số 0011742 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh